

Bản án số:32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thanh V, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Trần Thị H (Bờ), sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng X

Địa chỉ: Số 169, phố L, H, M, N.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Dương Quyết T– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Bùi Hữu N - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng X, phòng giao dịch huyện B (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Hữu N tham gia tố tụng: Anh Lê Thanh H – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng X, huyện Bình Đại (Theo Giấy ủy quyền đề ngày 31/3/2021) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/8/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 31/3/2021, nguyên đơn anh Võ Thanh V trình bày:

Anh và chị Trần Thị H cưới và chung sống năm 1999, đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người sống riêng và không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Quá trình chung sống anh và chị H có với nhau 02 con chung Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 đã thành niên và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007 anh đang nuôi dưỡng. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Nợ ngân hàng X số tiền 50.000.000 đồng, anh đồng ý ly hôn mỗi người $\frac{1}{2}$ trả nợ cùng lãi suất, phần của anh, anh xin trả vào cuối năm 2021 là hoàn tất.

Anh Võ Thanh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Anh Võ Thanh V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 đã thành niên, có chồng sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không có, anh Võ Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng, anh đồng ý mỗi người $\frac{1}{2}$ trả nợ, phần nợ gốc và tiền lãi của anh xin trả vào cuối năm 2021 là hoàn tất.

Anh Võ Thanh V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 31/3/2021, ngày 08/4/2021 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H đồng ý ly hôn với anh Võ Thanh V vì hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, anh V đã có người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh V có với nhau 02 con chung Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 đã thành niên và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007, lúc ban đầu chị là người nuôi dưỡng, anh V mới nuôi dưỡng sau này. Ly hôn chị đồng ý để anh V được nuôi dưỡng con chung Ngọc N theo nguyện vọng con chung.

- Tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Nợ Ngân hàng X số tiền 50.000.000 đồng, chị yêu cầu vợ chồng ly hôn mỗi người $\frac{1}{2}$ trả nợ, chị đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và tiền lãi, xin trả vào cuối năm 2022 là hoàn tất. Riêng tiền lãi chị đã đóng trước đó, chị không yêu cầu anh V trả lại.

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 31/3/2021, biên bản hòa giải ngày 08/4/2021, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X anh Lê Thanh H trình bày:

Vào ngày 14/3/2017 Ngân hàng X, phòng giao dịch huyện B có cho vợ chồng anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H vay số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên có thiết lập sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay.

- Mục đích vay: Chăn nuôi dê, bò

- Chương trình cho vay: Hộ cận nghèo

- Lãi suất cho vay: 0,66%/tháng

- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay

- Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng
- Kỳ hạn trả nợ: 01 năm/lần, số tiền trả nợ là 10.000.000 đồng
- Thời điểm trả hết nợ: Ngày 14/3/2022

Vợ chồng anh V và chị H đã nhận đủ tiền vay, từ lúc vay cho đến nay, anh V và chị H chỉ trả tiền lãi suất nhưng trả không đầy đủ, vốn gốc chưa trả. Mặc dù hợp đồng vay vốn chưa đến thời hạn trả nợ nhưng anh V và chị H hiện nay ly hôn, đã có vi phạm trả nợ vốn gốc và tiền lãi suất nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh V và chị H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 01/4/2021 số tiền là 52.176.481 đồng. Gồm:

- Nợ gốc: 50.000.000 đồng
- Nợ lãi: 2.176.481 đồng

Đồng thời anh V và chị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 02/4/2021 theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tháng 04 năm 2021 chị H đã trả được số tiền lãi suất là 336.000 đồng. Như vậy, anh V và chị H còn nợ lại số tiền vay chưa trả tính đến hết ngày 01/4/2021 là 51.840.481 đồng (Nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 1.840.481 đồng)

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và không đồng ý cho trả dần theo trình bày của anh V, chị H.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm trong việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự còn chậm và gửi hồ sơ vụ án nghiên cứu để tham gia xét xử chưa đúng quy định tại Điều 196, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm thực hiện tốt trong thời gian tới và vi phạm này không ảnh hưởng đến

nội dung vụ án nên xét xử là phù hợp. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Thanh V. Con chung: Anh Võ Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007. Ghi nhận anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung: Hai bên khai thông nhất không có nên không xét đến. Nợ chung: Buộc anh V và chị H phải trả số tiền nợ vay cho Ngân hàng X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Võ Thanh V có yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2021 (Bút lục số 33, 34). Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H (Bờ) cưới và chung sống với nhau năm 1999, đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, mỗi người sống riêng, không có quan tâm nhau, mạnh ai nấy

sống và không có hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh V là do tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi; theo chị H là do anh V đã có người phụ nữ khác. Điều đó chứng tỏ, hôn nhân giữa anh V và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị H đồng ý ly hôn với anh V. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu ly hôn của anh V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H (Bờ) khai thống nhất quá trình chung sống có với nhau 02 con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007. Con chung Hồng C đã thành niên, lập gia đình sống riêng, anh V và chị H không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến. Riêng con chung Ngọc N, anh V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị H đồng ý. Đây là sự thỏa thuận của anh V và chị H, phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng con chung Ngọc N trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh V nuôi dưỡng con chung Ngọc N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh V nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung: Anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H (Bờ) khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Nợ chung:

Qua xem xét hồ sơ khởi kiện của Ngân hàng X và phần trình bày của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Số tiền vay 50.000.000 đồng vào ngày 14/3/2017 giữa chị H với Ngân hàng X, phòng giao dịch huyện B ký kết thể hiện trên sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, anh V có ký giấy ủy quyền cho chị H để chị H giao dịch với Ngân hàng

- Mục đích vay: Chăn nuôi dê, bò
- Chương trình cho vay: Hộ cận nghèo
- Lãi suất cho vay: 0,66%/tháng
- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất khi cho vay
- Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng
- Kỳ hạn trả nợ: **01 năm/lần, số tiền trả nợ là 10.000.000 đồng**
- Thời điểm trả hết nợ: Ngày 14/3/2022

Số tiền vay nêu trên, anh V và chị H chỉ trả tiền lãi suất nhưng trả không đầy đủ, vốn gốc chưa trả theo thỏa thuận. Tháng 04 năm 2021 chị H đã trả được số tiền lãi suất là 336.000 đồng, tính đến hết ngày 01/4/2021 anh V và chị H còn nợ Ngân hàng số tiền chưa trả là 51.840.481 đồng. Gồm:

- Nợ gốc: 50.000.000 đồng
- Nợ lãi: 1.840.481 đồng

Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân khi vợ chồng còn chung sống. Mặc dù thời hạn vay chưa đến hạn trả nhưng do anh V và chị H đã vi phạm là không trả vốn gốc theo thỏa thuận, trả lãi suất không đầy đủ và hiện nay anh V và chị H ly hôn. Cho nên, Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu anh V và chị H phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng và yêu cầu anh V, chị H tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 02/4/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo hợp đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 274, 275, 280, 288, 351, 353, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 24, 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh V và chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng X. Trong đó:

- Phần anh V có nghĩa vụ phải trả là 25.920.240 đồng (Gồm nợ vốn gốc 25.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 920.240 đồng)
- Phần chị H có nghĩa vụ phải trả là 25.920.240 đồng (Gồm nợ vốn gốc 25.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 920.240 đồng)

Chị H và anh V tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay từ ngày 02/4/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng X.

Số tiền lãi chị H đã trả xong cho Ngân hàng X, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay chị H không yêu cầu anh V phải hoàn trả lại. Đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí Hôn nhân và gia đình: Anh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh V phải chịu 25.920.240 đồng x 5% = 1.296.000 đồng.

Tổng án phí anh V phải chịu số tiền là 1.596.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Chị H là hộ cận nghèo (Có đơn xin miễn nộp tiền án phí đề ngày 31/3/2021) nên chị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 274, 275, 280, 288, 351, 353, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 254, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27, 30, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Võ Thanh V.
2. Anh Võ Thanh V được ly hôn với chị Trần Thị H (Bờ).
3. Về con chung:

Anh Võ Thanh V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/10/2007. Ghi nhận anh V không yêu cầu chị Trần Thị H (Bờ) cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con chung Võ Thị Hồng C, sinh ngày: 12/11/2000 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Trong thời gian con chung Võ Thị Ngọc N của anh V và chị H chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), anh V có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Chị H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H (Bờ) khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về nợ chung:

Buộc anh Võ Thanh V và chị Trần Thị H (Bờ) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng X số tiền nợ vay tính đến hết ngày 01/4/2021 là 51.840.481 đồng. Trong đó:

- Phần anh Võ Thanh V có nghĩa vụ phải trả là 25.920.240 đồng (Gồm nợ vốn gốc 25.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 920.240 đồng)
- Phần chị Trần Thị H (Bờ) có nghĩa vụ phải trả là 25.920.240 đồng (Gồm nợ vốn gốc 25.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 920.240 đồng)

Anh V và chị H còn tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay từ ngày 02/4/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Võ Thanh V phải chịu 1.596.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006263 ngày 01/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Anh Võ Thanh V còn phải nộp số tiền là 1.296.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Chị Trần Thị H (Bờ) miễn nộp án phí.

- Ngân hàng X khởi kiện không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị H (Bờ) và Ngân hàng X có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã P (Số 55/2002, quyền số 01)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương